



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017**



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận Đăng ký  
Kinh doanh/Doanh nghiệp số**

1600192619

ngày 27 tháng 9 năm 2004

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh/Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp số 1600192619 ngày 9 tháng 11 năm 2015. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh/Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Huỳnh Văn Thòn  
Ông Nguyễn Mỹ  
Ông Lê Phước Đức

Chủ tịch  
Phó Chủ tịch  
Phó Chủ tịch  
(đến ngày 28 tháng 4 năm 2017)

Ông Nguyễn Tiến Tùng  
Ông Võ Văn Á  
Bà Nguyễn Thị Âm  
Ông Phạm Thanh Thọ  
Ông Trần Quốc Thanh  
Bà Thủy Vũ Dropsey

Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
(từ ngày 29 tháng 4 năm 2017)

Ông Nguyễn Tiến Dũng

Thành viên  
(đến ngày 28 tháng 4 năm 2017)

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Huỳnh Văn Thòn  
Ông Nguyễn Mỹ  
Ông Lê Phước Đức

Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
(đến ngày 26 tháng 2 năm 2017)

Ông Nguyễn Tiến Dũng

Phó Tổng Giám đốc  
(đến ngày 26 tháng 2 năm 2017)

**Ban Kiểm soát**

Ông Trần Tiến Dũng  
Bà Lê Thu Hiền  
Ông Phan Bá Ngọc Phương  
Bà Võ Thị Thùy Tiên  
Ông Huỳnh Thanh Nhuận

Trưởng Ban Kiểm soát  
Phó Trưởng Ban Kiểm soát  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
(đến ngày 28 tháng 4 năm 2017)

**Trụ sở đăng ký**

Số 23 Đường Hà Hoàng Hồ  
Phường Mỹ Xuyên  
Thành phố Long Xuyên  
Tỉnh An Giang  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**  
**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 48 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính chưa hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh chưa hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ chưa hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm này.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Huỳnh Văn Thôn  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 7 năm 2017



KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84-8 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo, được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 19 tháng 7 năm 2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 48.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



## Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính chưa hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh chưa hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ chưa hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh**  
Việt Nam

Báo cáo soát xét: 17-01-275/S



Trương Vĩnh Phúc

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 1901-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 7 năm 2017

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017**

**Mẫu B 01a – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND (Đã phân loại lại)
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>4.710.949.761.215</b>	<b>5.026.954.201.323</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>7</b>	<b>144.834.233.581</b>	<b>261.045.924.700</b>
Tiền	111		144.834.233.581	261.045.924.700
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>26.105.916.667</b>	<b>25.000.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	15(a)	26.105.916.667	25.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>3.062.741.403.444</b>	<b>3.268.204.842.104</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	3.082.550.858.660	3.258.939.564.529
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		12.567.951.358	54.621.704.498
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	121.668.369.822	93.594.589.421
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(154.045.776.396)	(138.951.016.344)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>1.469.158.866.051</b>	<b>1.464.525.461.172</b>
Hàng tồn kho	141		1.469.158.866.051	1.465.601.144.036
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(1.075.682.864)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>8.109.341.472</b>	<b>8.177.973.347</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	16(a)	7.924.571.368	6.409.390.734
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		184.770.104	1.768.582.613
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>1.200.412.993.681</b>	<b>1.201.928.256.719</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>622.125.385.462</b>	<b>644.697.110.228</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	12	425.416.049.325	439.742.642.564
Nguyên giá	222		697.297.308.509	687.098.266.044
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(271.881.259.184)	(247.355.623.480)
Tài sản cố định vô hình	227	13	196.709.336.137	204.954.467.664
Nguyên giá	228		200.863.572.647	208.483.452.747
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.154.236.510)	(3.528.985.083)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>107.105.219.699</b>	<b>91.237.557.345</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	107.105.219.699	91.237.557.345

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2017 VND</b>	<b>1/1/2017 VND (Đã phân loại lại)</b>
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>15(b)</b>	<b>423.349.930.624</b>	<b>420.349.930.624</b>
Đầu tư vào các công ty con	251		446.091.826.000	443.091.826.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(22.741.895.376)	(22.741.895.376)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>47.832.457.896</b>	<b>45.643.658.522</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	16(b)	30.628.753.669	29.069.961.054
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	17.203.704.227	16.573.697.468
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>5.911.362.754.896</b>	<b>6.228.882.458.042</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>3.698.609.763.896</b>	<b>3.976.222.038.005</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>3.649.886.395.746</b>	<b>3.850.868.141.859</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	1.005.786.095.485	1.539.949.333.293
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		23.579.962.988	35.705.702.655
Thuế phải nộp Nhà nước	313	19	73.695.533.072	74.574.028.927
Phải trả người lao động	314		30.909.187.344	40.165.863.891
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	46.766.912.775	61.081.681.145
Phải trả ngắn hạn khác	319	21	246.513.332.036	150.470.156.379
Vay ngắn hạn	320	22(a)	2.166.293.264.150	1.901.737.485.956
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	23	56.342.107.896	47.183.889.613
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>48.723.368.150</b>	<b>125.353.896.146</b>
Phải trả dài hạn khác	337		1.640.000.000	1.690.000.000
Vay dài hạn	338	22(b)	-	73.721.650.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342	24	47.083.368.150	49.942.246.146

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>2.212.752.991.000</b>	<b>2.252.660.420.037</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>25</b>	<b>2.212.752.991.000</b>	<b>2.252.660.420.037</b>
Vốn cổ phần	411	26	671.611.500.000	671.611.500.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		278.073.000.000	278.073.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		756.944.515.492	683.864.950.466
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		184.333.305.366	179.556.267.456
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		321.790.670.142	439.554.702.115
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		439.554.702.115	310.827.543.057
- Chi trả cổ tức	421a		(201.483.450.000)	(201.483.450.000)
- Trích lập và hoàn nhập các quỹ	421a		(145.544.617.026)	(92.128.519.702)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		229.264.035.053	422.339.128.760
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>5.911.362.754.896</b>	<b>6.228.882.458.042</b>

Ngày 19 tháng 7 năm 2017


Người lập:



Nguyễn Tấn Hoàng  
 Kế toán trưởng



Người duyệt:



Huỳnh Văn Thôn  
 Tổng Giám đốc



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6**  
**năm 2017**

Mẫu B 02a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND (Đã phân loại lại)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	29	4.214.455.347.713	3.579.219.213.804
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	29	165.377.795.779	56.714.029.860
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>29</b>	<b>4.049.077.551.934</b>	<b>3.522.505.183.944</b>
Giá vốn hàng bán	11	30	3.194.940.536.648	2.860.163.636.120
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>854.137.015.286</b>	<b>662.341.547.824</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	10.779.751.209	15.610.650.553
Chi phí tài chính	22	32	68.572.068.087	66.859.871.552
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		56.983.622.951	60.754.728.171
Chi phí bán hàng	25	33	363.774.919.034	246.878.716.501
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	156.057.346.166	142.171.618.800
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b> <b>{(30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))}</b>	<b>30</b>		<b>276.512.433.208</b>	<b>222.041.991.524</b>
Thu nhập khác	31	35	11.328.023.670	3.899.520.416
Chi phí khác	32		693.112.267	806.941.263
<b>Kết quả từ các hoạt động khác</b> <b>(40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>10.634.911.403</b>	<b>3.092.579.153</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b> <b>(50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>287.147.344.611</b>	<b>225.134.570.677</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	37	58.513.316.317	42.788.509.155
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	37	(630.006.759)	3.216.888.582
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b> <b>(60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>229.264.035.053</b>	<b>179.129.172.940</b>

Ngày 19 tháng 7 năm 2017

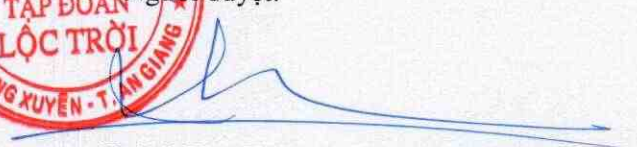
Người lập:



Nguyễn Tấn Hoàng  
 Kế toán trưởng



Người duyệt:



Huỳnh Văn Thôn  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Tập Đoàn Lộc Trời**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>287.147.344.611</b>	<b>225.134.570.677</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		30.322.943.918	27.560.253.192
Các khoản dự phòng	03		13.863.108.497	13.162.838.195
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(447.221.498)	(6.015.492.986)
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05		(9.709.592)	(50.000.000)
Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức	05		(2.650.320.411)	(2.350.943.610)
Chi phí lãi vay	06		56.983.622.951	60.754.728.171
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>385.209.768.476</b>	<b>318.195.953.639</b>
Biến động các khoản phải thu	09		197.479.919.284	397.081.068.253
Biến động hàng tồn kho	10		(3.557.722.015)	32.575.482.643
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(566.201.847.060)	(308.154.381.948)
Biến động chi phí trả trước	12		2.368.466.459	7.956.693.210
			<b>15.298.585.144</b>	<b>447.654.815.797</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(57.046.788.546)	(60.103.768.797)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(56.279.961.215)	(5.000.000.000)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(61.232.705.112)	(86.447.644.727)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(159.260.869.729)</b>	<b>296.103.402.273</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(50.114.106.334)	(81.940.049.520)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		17.305.803.110	50.000.000
Tiền chi đầu tư vào các công ty con	25		(3.000.000.000)	-
Tiền thu lãi lãi tiền gửi và cổ tức	27		333.840.744	2.350.943.610
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(35.474.462.480)</b>	<b>(79.539.105.910)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		2.784.793.076.119	2.553.228.033.995
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.593.670.372.925)	(2.838.162.456.564)
Tiền chi trả cổ tức	36		(112.864.110.000)	(656.475.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>78.258.593.194</b>	<b>(285.590.897.569)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(116.476.739.015)</b>	<b>(69.026.601.206)</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		261.045.924.700	166.984.221.758
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		265.047.896	(317.561.432)
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>7</b>	<b>144.834.233.581</b>	<b>97.640.059.120</b>

Ngày 19 tháng 7 năm 2017

Người lập:

Nguyễn Tấn Hoàng  
 Kế toán trưởng



Người duyệt:

Huỳnh Văn Thôn  
 Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

## **Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

#### **1. Đơn vị báo cáo**

##### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

##### **(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh thuốc trừ sâu; sản xuất và kinh doanh phân bón; cung cấp dịch vụ trồng trọt; sản xuất giấy và bao bì từ giấy và bìa; sản xuất và bán buôn gạo, thực phẩm và bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp.

##### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

##### **(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có 2.908 nhân viên (1/1/2017: 3.091 nhân viên).

#### **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

##### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

##### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này. Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này phản ánh theo giá gốc trừ dự phòng phải thu khó đòi.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Đầu tư vào công ty con**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm

**(g) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của quyền sử dụng đất từ 30 năm đến 50 năm.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 3 năm đến 5 năm.

**(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 2 năm đến 14 năm.

**(ii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 10 năm.

**(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

**(k) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(i) Dự phòng chi phí bảo hành**

Khoản dự phòng chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới dịch vụ xây lắp máy đã thực hiện trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các dịch vụ tương tự.

**(ii) Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Khoản dự phòng trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 được lập dựa trên số năm làm việc của nhân viên, là tổng thời gian làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc, và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán.

**(l) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(m) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(n) Quỹ khen thưởng và phúc lợi**

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được phân phối từ lợi nhuận sau thuế dựa trên tỷ lệ do các cổ đông quyết định trong Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được dùng để chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(o) Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu**

**(i) Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**(ii) Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu**

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm thực hiện các hoạt động phúc lợi xã hội.

**(p) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iv) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư thu được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(r) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(s) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**4. Các thay đổi trong ước tính kế toán**

Khi lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với ước tính kế toán này.

Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán so với các ước tính kế toán thực hiện trong khi lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cùng kỳ năm trước.

**5. Các khoản mục bất thường**

Không có các khoản mục bất thường trọng yếu nào phát sinh trong kỳ.

**6. Các thay đổi trong cơ cấu của Công ty**

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, không có sự thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu của Công ty.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**7. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	15.694.820.873	8.986.548.161
Tiền gửi ngân hàng	129.139.412.708	252.059.376.539
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng</b>	<b>144.834.233.581</b>	<b>261.045.924.700</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, tiền gửi ngân hàng với giá trị ghi sổ là 39.576 triệu VND (1/1/2017: 49.585 triệu VND) được thế chấp cho các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay dài hạn của Công ty (Thuyết minh 22(b)).

**8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

	<b>30/6/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
		<b>(Đã phân loại lại)</b>
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Bình	325.166.365.328	277.158.983.417
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Thoại Sơn	235.662.934.066	419.943.309.051
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Tân Hồng	168.781.353.434	236.506.403.836
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Hưng	263.805.616.114	311.200.511.924
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Lộc	249.906.751.790	329.603.888.880
Các khách hàng khác	1.839.227.837.928	1.684.526.467.421
	<b>3.082.550.858.660</b>	<b>3.258.939.564.529</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

	<b>30/6/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các công ty con</b>		
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Bình	325.166.365.328	277.158.983.417
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Thoại Sơn	235.662.934.066	419.943.309.051
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Tân Hồng	168.781.353.434	236.506.403.836
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Hưng	263.805.616.114	311.200.511.924
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Lộc	249.906.751.790	329.603.888.880
Công ty Bảo vệ Thực vật An Giang – Campuchia	61.461.184.607	53.761.618.719
Các công ty con khác	102.246.305.337	247.345.869.415
	<hr/>	<hr/>
	1.407.030.510.676	1.875.520.585.242
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu thương mại từ các công ty con không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

**9. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
		<b>(Đã phân loại lại)</b>
Tạm ứng cho người lao động	49.195.902.908	42.304.449.679
Chiết khấu mua hàng được hưởng	15.834.183.494	3.635.123.680
Phải thu Nhà nước từ cổ phần hóa	13.148.729.781	13.148.729.781
Phải thu hỗ trợ từ đối tác	8.030.965.000	-
Phải thu khác	35.458.588.639	34.506.286.281
	<hr/>	<hr/>
	121.668.369.822	93.594.589.421
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Số ngày quá hạn	30/6/2017			Số ngày quá hạn	1/1/2017		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Nợ quá hạn</b>								
Nguyễn Minh Hùng Công ty TNHH Thiên Thủy Dương	Từ 2 đến 3 năm	11.231.443.002	(7.862.901.019)	3.368.541.983	Từ 2 đến 3 năm	11.321.143.002	(4.548.487.978)	6.772.655.024
Nguyễn Thị Mộng Tuyền	Trên 3 năm	11.195.607.350	(11.195.607.350)	-	Trên 3 năm	11.195.607.350	(11.195.607.350)	-
Đinh Thị Phương	Từ 2 đến 3 năm	9.627.213.509	(5.732.107.888)	3.895.105.621	Từ 2 đến 3 năm	9.627.213.509	(4.813.606.755)	4.813.606.754
Lê Tam Quốc	Trên 3 năm	9.318.582.005	(9.318.582.005)	-	Từ 2 đến 3 năm	9.318.580.825	(5.982.492.538)	3.336.088.287
Võ Văn Nam	Trên 3 năm	7.275.487.847	(7.275.487.847)	-	Trên 3 năm	7.275.487.847	(7.275.487.847)	-
Nguyễn Văn Đê	Trên 3 năm	6.720.573.077	(6.720.573.077)	-	Trên 3 năm	6.740.573.077	(6.740.573.077)	-
Trần Xuân Mai	Trên 3 năm	4.926.420.708	(4.926.420.708)	-	Trên 3 năm	4.926.420.708	(4.926.420.708)	-
Các đối tượng khác	Trên 3 năm	3.890.358.320	(3.890.358.320)	-	Trên 3 năm	4.011.763.320	(4.011.763.320)	-
		202.943.846.821	(97.123.738.182)	105.820.108.639		216.283.491.220	(89.456.576.771)	126.826.914.449
		<u>267.129.532.639</u>	<u>(154.045.776.396)</u>	<u>113.083.756.243</u>		<u>280.700.280.858</u>	<u>(138.951.016.344)</u>	<u>141.749.264.514</u>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Số dư đầu kỳ	138.951.016.344	103.432.332.685
Trích lập dự phòng trong kỳ	15.094.760.052	18.617.251.465
Số dư cuối kỳ	154.045.776.396	122.049.584.150

**11. Hàng tồn kho**

	30/6/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	24.511.451.010	-	19.020.874.159	-
Nguyên vật liệu	278.331.614.147	-	319.710.983.059	-
Công cụ, dụng cụ	1.920.249.148	-	1.338.350.669	-
Sản phẩm dở dang	16.040.692.644	-	28.577.304.742	-
Thành phẩm	209.319.150.524	-	139.910.167.471	(1.075.682.864)
Hàng hóa	897.580.258.788	-	938.793.655.021	-
Hàng gửi đi bán	41.455.449.790	-	18.249.808.915	-
	1.469.158.866.051	-	1.465.601.144.036	(1.075.682.864)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, không có thành phẩm (1/1/2017: 23.992 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Số dư đầu kỳ	1.075.682.864	6.806.448.829
Tăng dự phòng trong kỳ	-	2.015.634.464
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(1.075.682.864)	(6.806.448.829)
Số dư cuối kỳ	-	2.015.634.464

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**12. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ	324.049.046.240	167.678.966.853	180.356.532.262	15.013.720.689	687.098.266.044
Tăng trong kỳ	823.478.374	6.469.778.917	5.813.986.891	148.682.500	13.255.926.682
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	1.816.624.573	4.824.824.993	599.543.636	1.054.226.040	8.295.219.242
Thanh lý	(5.257.751.950)	(122.100.000)	(5.972.251.509)	-	(11.352.103.459)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>321.431.397.237</b>	<b>178.851.470.763</b>	<b>180.797.811.280</b>	<b>16.216.629.229</b>	<b>697.297.308.509</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	69.253.627.319	60.913.675.029	107.568.764.053	9.619.557.079	247.355.623.480
Khấu hao trong kỳ	9.969.639.443	8.840.645.395	9.924.989.349	962.418.304	29.697.692.491
Thanh lý	-	(75.585.728)	(5.096.471.059)	-	(5.172.056.787)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>79.223.266.762</b>	<b>69.678.734.696</b>	<b>112.397.282.343</b>	<b>10.581.975.383</b>	<b>271.881.259.184</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu kỳ	254.795.418.921	106.765.291.824	72.787.768.209	5.394.163.610	439.742.642.564
Số dư cuối kỳ	242.208.130.475	109.172.736.067	68.400.528.937	5.634.653.846	425.416.049.325

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 76.352 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 77.308 triệu VND).



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***13. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ	202.293.671.806	6.189.780.941	208.483.452.747
Thanh lý	(7.619.880.100)	-	(7.619.880.100)
Số dư cuối kỳ	194.673.791.706	6.189.780.941	200.863.572.647
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	504.619.263	3.024.365.820	3.528.985.083
Khấu hao trong kỳ	111.795.578	513.455.849	625.251.427
Số dư cuối kỳ	616.414.841	3.537.821.669	4.154.236.510
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	201.789.052.543	3.165.415.121	204.954.467.664
Số dư cuối kỳ	194.057.376.865	2.651.959.272	196.709.336.137

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá 1.407 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 1.407 triệu VND).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2017</b>	<b>30/6/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	91.237.557.345	32.279.362.131
Tăng trong kỳ	33.101.488.050	66.879.419.799
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(8.295.219.242)	(572.655.220)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(5.442.439.708)	(965.289.269)
Thanh lý	(3.496.166.746)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	107.105.219.699	97.620.837.441

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>30/6/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nhà máy thuốc Châu Thành	38.550.127.963	32.203.272.958
Hệ thống máy ủ hạt giống	18.283.981.534	17.560.236.232
Nhà máy chế biến hạt giống Trảng Bàng	646.294.486	7.505.705.402
Nâng cấp các trại sản xuất hạt giống	4.540.521.709	5.734.259.266
Các dự án khác	45.084.294.007	28.234.083.487
	<hr/>	<hr/>
	107.105.219.699	91.237.557.345

**15. Đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư tài chính ngắn hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng. Các khoản tiền gửi này hưởng lãi suất năm từ 8,7% đến 9%.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Đầu tư tài chính dài hạn**

		30/6/2017			1/1/2017	
	% vốn sở hữu/quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	% vốn sở hữu/quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND
<b>Đầu tư vào các công ty con</b>						
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Bình	100%	120.000.000.000	(11.535.225.058)	100%	120.000.000.000	(11.535.225.058)
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Thoại Sơn	100%	60.000.000.000	-	100%	60.000.000.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Tân Hồng	100%	60.000.000.000	(11.206.670.318)	100%	60.000.000.000	(11.206.670.318)
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Hưng	100%	60.000.000.000	-	100%	60.000.000.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Lộc	100%	60.000.000.000	-	100%	60.000.000.000	-
▪ Công ty TNHH Nghiên cứu và Sản xuất giống ứng dụng công nghệ cao Hưng Thịnh	76,51%	50.833.316.000	-	76,51%	50.833.316.000	-
▪ Công ty Bảo vệ Thực vật An Giang – Campuchia	100%	14.579.600.000	-	100%	14.579.600.000	-
▪ Công ty Cổ phần Địa Ốc An Giang	50,44%	12.878.910.000	-	50,44%	12.878.910.000	-
▪ Công ty Cổ phần Lộc Trời Miền Bắc	60%	4.800.000.000	-	60%	1.800.000.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Cà phê Hương Vị Trời	100%	3.000.000.000	-	100%	3.000.000.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Phân hữu cơ Ấn Thịnh Điền (i)	100%	-	-	100%	-	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh An (ii)	100%	-	-	100%	-	-
▪ Công ty TNHH Trích ly dầu cá Vĩnh Hòa (iii)	60%	-	-	60%	-	-
		<u>446.091.826.000</u>	<u>(22.741.895.376)</u>		<u>443.091.826.000</u>	<u>(22.741.895.376)</u>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Công ty TNHH Một Thành Viên Phân hữu cơ Ân Thịnh Điền (“Ân Thịnh Điền”) được thành lập theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Kinh Doanh số 6300233285 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Hậu Giang cấp ngày 11 tháng 10 năm 2013, trong đó Công ty nắm giữ 100% quyền sở hữu. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty vẫn chưa góp vốn vào Ân Thịnh Điền.
- (ii) Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh An (“Vĩnh An”) được thành lập theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Kinh Doanh số 1101751607 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Long An cấp ngày 23 tháng 6 năm 2014, trong đó Công ty nắm giữ 100% quyền sở hữu. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty vẫn chưa góp vốn vào Vĩnh An.
- (iii) Công ty TNHH Trích ly dầu cám Vĩnh Hòa (“Vĩnh Hòa”) được thành lập theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Kinh Doanh số 1101791896 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Long An cấp ngày 18 tháng 5 năm 2015, trong đó Công ty nắm giữ 60% quyền sở hữu. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty vẫn chưa góp vốn vào Vĩnh Hòa.

Biến động dự phòng đầu tư tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Số dư đầu kỳ	22.741.895.376	1.713.000.000
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	(990.000.000)
Số dư cuối kỳ	22.741.895.376	723.000.000

**16. Chi phí trả trước****(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Phí bảo hiểm trả trước	2.747.683.622	1.474.289.643
Chi phí thuê hoạt động trả trước	3.863.126.194	3.732.310.510
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.313.761.552	1.202.790.581
	7.924.571.368	6.409.390.734

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Chi phí đất trả trước VND</b>	<b>Công cụ và dụng cụ VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Số dư đầu kỳ	4.042.153.792	25.027.807.262	29.069.961.054
Tăng trong kỳ	370.000.000	9.427.776.012	9.797.776.012
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	5.442.439.708	5.442.439.708
Phân bổ trong kỳ	(1.484.374.901)	(12.197.048.204)	(13.681.423.105)
Số dư cuối kỳ	2.927.778.891	27.700.974.778	30.628.753.669

**17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	<b>30/6/2017 VND</b>	<b>1/1/2017 VND</b>
<i>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận đối với:</i>		
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	7.636.022.528	6.831.871.097
Dự phòng trợ cấp thôi việc	9.326.414.149	9.439.344.821
Phải trả ngắn hạn khác	241.267.550	302.481.550
	17.203.704.227	16.573.697.468

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***18. Phải trả người bán ngắn hạn****(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	<b>30/6/2017</b> <b>Giá gốc/Số có</b> <b>khả năng trả nợ</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2017</b> <b>Giá gốc/Số có</b> <b>khả năng trả nợ</b> <b>VND</b>
Công ty TNHH Syngenta Việt Nam	787.766.791.061	1.254.803.250.645
Eastchem Co., Ltd	72.677.695.556	66.643.444.780
Công ty TNHH UPL Việt Nam	34.142.842.154	36.730.284.150
Dow Agro-Sciences (Malaysia) Sdn Bhd	29.173.185.750	66.246.150.000
Các nhà cung cấp khác	82.025.580.964	115.526.203.718
	<hr/>	
	1.005.786.095.485	1.539.949.333.293
	<hr/>	

**(b) Phải trả người bán là bên liên quan**

	<b>30/6/2017</b> <b>Giá gốc/Số có</b> <b>khả năng trả nợ</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2017</b> <b>Giá gốc/Số có</b> <b>khả năng trả nợ</b> <b>VND</b>
<b>Công ty con</b> Công ty TNHH Nghiên cứu và Sản xuất giống ứng dụng công nghệ cao Hưng Thịnh		- 4.000.000.000
		<hr/>

Khoản phải trả thương mại cho công ty con không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi có yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Thuế phải nộp Nhà nước**

	<b>1/1/2017</b>	<b>Số phát sinh</b>	<b>Số đã cân trừ</b>	<b>Số được hoàn</b>	<b>Số đã nộp</b>	<b>30/6/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>trong kỳ</b>	<b>trong kỳ</b>	<b>trong kỳ</b>	<b>trong kỳ</b>	<b>VND</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	
Thuế giá trị gia tăng	11.323.816.265	256.387.287.654	(184.292.247.087)	-	(66.657.520.126)	16.761.336.706
Thuế thu nhập cá nhân	7.039.670.712	18.647.339.816	-	(6.925.759.337)	(20.246.304.777)	(1.485.053.586)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	56.279.961.215	58.513.316.317	-	-	(56.279.961.215)	58.513.316.317
Các loại thuế khác	(69.419.265)	7.533.950.179	-	-	(7.558.597.279)	(94.066.365)
	<b>74.574.028.927</b>	<b>341.081.893.966</b>	<b>(184.292.247.087)</b>	<b>(6.925.759.337)</b>	<b>(150.742.383.397)</b>	<b>73.695.533.072</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**20. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>30/6/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí khuyến mãi bán hàng phải trả cho đại lý	41.203.911.355	52.085.789.616
Chi phí lãi vay	2.935.099.078	2.998.264.673
Chi phí hội nghị khách hàng	-	4.936.307.500
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	2.627.902.342	1.061.319.356
	<hr/>	<hr/>
	46.766.912.775	61.081.681.145
	<hr/>	<hr/>

**21. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cổ tức phải trả	201.873.315.000	113.253.975.000
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	8.318.878.144	5.307.763.083
Bảo hiểm y tế, xã hội và thất nghiệp phải trả	5.593.242.708	2.210.350.006
Phải trả ngắn hạn khác	30.727.896.184	29.698.068.290
	<hr/>	<hr/>
	246.513.332.036	150.470.156.379
	<hr/>	<hr/>



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**22. Các khoản vay ngắn hạn và dài hạn**

**(a) Vay ngắn hạn**

	<b>1/1/2017</b> <b>Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND</b>	<b>Tăng VND</b>	<b>Biến động trong kỳ</b>  <b>Giảm VND</b>	<b>Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND</b>	<b>30/6/2017</b> <b>Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND</b>
Vay ngắn hạn	1.599.002.885.956	2.784.793.076.119	(2.442.150.497.925)	(288.575.000)	1.941.356.889.150
Vay dài hạn đến hạn trả	302.734.600.000	73.721.650.000	(151.519.875.000)	-	224.936.375.000
	<b>1.901.737.485.956</b>	<b>2.858.514.726.119</b>	<b>(2.593.670.372.925)</b>	<b>(288.575.000)</b>	<b>2.166.293.264.150</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

<b>Bên cho vay</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Loại tiền</b>	<b>30/6/2017 VND</b>	<b>1/1/2017 VND</b>
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered Bank (Việt Nam), Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	(i)	VND	134.959.199.350	148.108.653.202
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên ANZ Việt Nam, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	(ii)	VND	135.449.755.578	92.343.409.950
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC (Việt Nam)	(iii)	VND	92.134.166.838	24.458.401.800
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	(iv)	VND	380.764.519.520	129.408.819.652
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh An Giang	(v)	VND	56.554.266.000	159.934.018.592
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	(vi)	VND	259.610.082.368	93.670.367.500
Ngân hàng Mizuho Corporate Bank Ltd, Chi nhánh Hà Nội	(vii)	USD	181.960.000.000	478.002.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Chi nhánh Kỳ Đồng	(viii)	VND	559.189.001.154	442.138.234.400
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Chi nhánh An Giang	(ix)	VND	86.687.430.033	-
Ngân hàng TMCP Quân đội, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	(x)	VND	54.048.468.309	14.025.904.380
Ngân hàng TMCP Quân đội, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	(x)	USD	-	16.913.076.480
			<b>1.941.356.889.150</b>	<b>1.599.002.885.956</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Khoản vay này không có tài sản bảo đảm, có hạn mức là 19,9 triệu USD hoặc số tiền tương đương bằng VND và chịu lãi suất năm từ 4,5% đến 5,1% (1/1/2017: từ 4,5% đến 5,0%).
- (ii) Khoản vay này không có tài sản bảo đảm, có hạn mức là 15 triệu USD hoặc số tiền tương đương bằng VND và chịu lãi suất năm là 3,8% đến 5,2% (1/1/2017: 4,9%).
- (iii) Khoản vay này không có tài sản bảo đảm, có hạn mức là 30 triệu USD hoặc số tiền tương đương bằng VND và chịu lãi suất năm từ 4,7% đến 4,95% (1/1/2017: từ 4,5% đến 5,6%).
- (iv) Khoản vay này không có tài sản bảo đảm, có hạn mức là 550 tỷ VND và chịu lãi suất năm từ 4,8% đến 5,5% (1/1/2017: từ 4,8% đến 5,0%).
- (v) Khoản vay này không có tài sản bảo đảm, có hạn mức là 1.000 tỷ VND và chịu lãi suất năm từ 4,8% đến 5,5% (1/1/2017: từ 4,8% đến 5,5%).
- (vi) Khoản vay này không có tài sản bảo đảm, có hạn mức là 500 tỷ VND và chịu lãi suất năm là 5,0% (1/1/2017: từ 4,8% đến 5,0%).
- (vii) Khoản vay này không có tài sản bảo đảm, có hạn mức là 14 triệu USD và chịu lãi suất năm là 2,1% (1/1/2017: từ 2,0% đến 2,3%).
- (viii) Khoản vay này không có tài sản bảo đảm, có hạn mức là 600 tỷ VND và chịu lãi suất năm từ 4,8% đến 5,5% (1/1/2017: từ 4,6% đến 5,0%).
- (ix) Khoản vay này không có tài sản bảo đảm, có hạn mức là 100 tỷ VND và chịu lãi suất năm từ 5,2% đến 5,5%.
- (ix) Khoản vay này không có tài sản bảo đảm, có hạn mức là 25 triệu USD hoặc số tiền tương đương bằng VND và chịu lãi suất năm từ 4,9% đến 5,2% cho khoản vay bằng VND và 2,0% cho khoản vay bằng USD (1/1/2017: từ 4,7% đến 4,9% cho khoản vay bằng VND và 2,0% cho khoản vay bằng USD).

**(b) Vay dài hạn**

	<b>30/6/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay dài hạn	224.936.375.000	376.456.250.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(224.936.375.000)	(302.734.600.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	-	73.721.650.000

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn đến hạn trả như sau:

Bên cho vay	Thuyết minh	Loại tiền	Năm đáo hạn	Lãi suất năm	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Standard Chartered Bank (Mauritius) Limited	(i)	USD	2018	4,5% - 4,8%	204.136.375.000	355.656.250.000
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered Bank (Việt Nam), Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	(ii)	VND	2018	8,2%	20.800.000.000	20.800.000.000
					224.936.375.000	376.456.250.000

- (i) Khoản vay này có hạn mức là 34 triệu USD, được bảo đảm bằng tài khoản Thu Tiền Xuất Khẩu và tài khoản Dự Trữ Trả Nợ của Công ty với giá trị ghi sổ là 39.576 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (1/1/2017: 49.585 triệu VND) (Thuyết minh 7) và động sản với giá trị ghi sổ là 412.393 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (1/1/2017: 429.339 triệu VND) thuộc về nhà máy xay gạo hiện đang vận hành và nhà máy hình thành trong tương lai của các công ty con sau:

- Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Bình;
- Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Thoại Sơn;
- Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Tân Hồng;
- Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Hưng;
- Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Lộc; và
- Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh An.

Khoản vay này chịu lãi suất năm bằng chi phí huy động vốn của ngân hàng cộng 3,5%, có thời gian ân hạn 1 năm và được trả hàng quý và kỳ cuối cùng được trả vào năm 2018.

- (ii) Khoản vay này có hạn mức là 20,8 tỷ VND, được bảo đảm bằng tài khoản Thu Tiền Xuất Khẩu và tài khoản Dự Trữ Trả Nợ của Công ty cùng với khoản vay (i) nêu trên và bất động sản với giá trị ghi sổ là 380.895 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (1/1/2017: 388.208 triệu VND) thuộc về nhà máy xay gạo hiện đang vận hành và nhà máy hình thành trong tương lai của các công ty con trong danh sách nêu ở khoản vay (i). Khoản vay này chịu lãi suất năm bằng chi phí huy động vốn của ngân hàng cộng 3,5%, có thời gian ân hạn 1 năm và được trả hàng quý và kỳ cuối cùng được trả vào năm 2018.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2017</b>	<b>30/6/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	47.183.889.613	84.136.547.865
Trích quỹ trong kỳ	52.054.210.000	47.851.282.000
Sử dụng quỹ trong kỳ	(42.895.991.717)	(67.522.820.895)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>56.342.107.896</b>	<b>64.465.008.970</b>

**24. Dự phòng phải trả dài hạn**

Biến động của các khoản dự phòng phải trả dài hạn trong kỳ như sau:

	<b>Bảo hành xây lắp VND</b>	<b>Trợ cấp thôi việc VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Số dư đầu kỳ	2.745.522.040	47.196.724.106	49.942.246.146
Trích lập dự phòng trong kỳ	160.198.898	-	160.198.898
Sử dụng dự phòng trong kỳ	(2.138.255.945)	(564.653.360)	(2.702.909.305)
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(316.167.589)	-	(316.167.589)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>451.297.404</b>	<b>46.632.070.746</b>	<b>47.083.368.150</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**25. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn cổ phần VND</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần VND</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển VND</b>	<b>Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016</b>	671.611.500.000	278.073.000.000	669.739.712.184	178.667.704.543	310.827.543.057	2.108.919.459.784
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	179.129.172.940	179.129.172.940
Phân bổ vào các quỹ	-	-	40.103.564.904	29.570.256.000	(69.673.820.904)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(47.851.282.000)	(47.851.282.000)
Cổ tức (Thuyết minh 27)	-	-	-	-	(201.483.450.000)	(201.483.450.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(18.924.823.832)	-	(18.924.823.832)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016</b>	<b>671.611.500.000</b>	<b>278.073.000.000</b>	<b>709.843.277.088</b>	<b>189.313.136.711</b>	<b>170.948.163.093</b>	<b>2.019.789.076.892</b>
	<b>Vốn cổ phần VND</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần VND</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển VND</b>	<b>Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017</b>	671.611.500.000	278.073.000.000	683.864.950.466	179.556.267.456	439.554.702.115	2.252.660.420.037
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	229.264.035.053	229.264.035.053
Phân bổ vào các quỹ	-	-	73.079.565.026	20.410.842.000	(93.490.407.026)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(52.054.210.000)	(52.054.210.000)
Cổ tức (Thuyết minh 27)	-	-	-	-	(201.483.450.000)	(201.483.450.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(15.633.804.090)	-	(15.633.804.090)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2017</b>	<b>671.611.500.000</b>	<b>278.073.000.000</b>	<b>756.944.515.492</b>	<b>184.333.305.366</b>	<b>321.790.670.142</b>	<b>2.212.752.991.000</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**26. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2017		1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	67.161.150	671.611.500.000	67.161.150	671.611.500.000
Vốn cổ phần phổ thông đã phát hành	67.161.150	671.611.500.000	67.161.150	671.611.500.000
Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	67.161.150	671.611.500.000	67.161.150	671.611.500.000
	30/6/2017		1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần của Nhà nước	16.221.600	162.216.000.000	16.221.600	162.216.000.000
Vốn cổ phần của các cổ đông khác	50.939.550	509.395.500.000	50.939.550	509.395.500.000
	67.161.150	671.611.500.000	67.161.150	671.611.500.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

**27. Cổ tức**

Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông của Công ty vào ngày 28 tháng 4 năm 2017 đã quyết định chia cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2016 là 201.483 triệu VND, tương đương 3.000 VND cho một cổ phiếu (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016: 201.483 triệu VND, tương đương 3.000 VND cho một cổ phiếu).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**28. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>30/6/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng 1 năm	1.413.603.764	4.058.926.743
Trong vòng 2 đến 5 năm	7.680.635.067	5.610.192.221
Sau 5 năm	2.270.596.977	6.970.497.894
	<b>11.364.835.808</b>	<b>16.639.616.858</b>

**(b) Ngoại tệ các loại**

	<b>30/6/2017</b>		<b>1/1/2017</b>	
	<b>Nguyên tệ</b>	<b>Tương đương VND</b>	<b>Nguyên tệ</b>	<b>Tương đương VND</b>
▪ USD	2.109.232	47.974.491.848	2.408.030	54.531.876.643
▪ EUR	145	3.696.321	145	3.467.370
		<b>47.978.188.169</b>		<b>54.535.344.013</b>

**(c) Vàng tiền tệ**

	<b>30/6/2017</b>		<b>1/1/2017</b>	
	<b>Khối lượng (Lượng)</b>	<b>Tương đương VND</b>	<b>Khối lượng (Lượng)</b>	<b>Tương đương VND</b>
▪ 24K	309,3	10.847.245.000	-	-
		<b>10.847.245.000</b>		<b>-</b>



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(d) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	<b>30/6/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	30.000.000.000	-
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	19.516.570.880	19.706.528.446
	30.000.000.000	19.706.528.446

**29. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2017</b>	<b>30/6/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Thuốc bảo vệ thực vật	2.511.471.102.131	2.132.573.494.694
▪ Lương thực – Gạo	1.240.564.296.984	1.040.770.035.276
▪ Hạt giống cây trồng	389.766.092.128	307.240.199.435
▪ Bao bì	72.653.856.470	98.635.484.399
	4.214.455.347.713	3.579.219.213.804
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(155.745.808.471)	(41.997.897.881)
▪ Hàng bán bị trả lại	(9.631.987.308)	(14.716.131.979)
	(165.377.795.779)	(56.714.029.860)
Doanh thu thuần	4.049.077.551.934	3.522.505.183.944

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**30. Giá vốn hàng bán**

Tổng giá vốn hàng bán

- Thuộc bảo vệ thực vật
- Lương thực – Gạo
- Hạt giống cây trồng
- Bao bì

Hoàn nhập dự phòng trong kỳ

<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
<b>30/6/2017</b>	<b>30/6/2016</b>
<b>VND</b>	<b>VND</b>
1.651.570.953.131	1.537.969.953.368
1.198.961.974.059	985.436.481.761
284.881.911.109	257.634.042.239
60.601.381.213	83.913.973.117
(1.075.682.864)	(4.790.814.365)
3.194.940.536.648	2.860.163.636.120

**31. Doanh thu hoạt động tài chính**

Lãi tiền gửi và cho vay  
 Cổ tức  
 Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện  
 Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện  
 Doanh thu hoạt động tài chính khác

<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
<b>30/6/2017</b>	<b>30/6/2016</b>
<b>VND</b>	<b>VND</b>
1.439.757.411	550.943.610
1.210.563.000	1.800.000.000
7.625.374.431	7.076.150.901
447.221.498	6.015.492.986
56.834.869	168.063.056
10.779.751.209	15.610.650.553

**32. Chi phí tài chính**

Chi phí lãi vay  
 Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện  
 Chi phí tài chính khác

<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
<b>30/6/2017</b>	<b>30/6/2016</b>
<b>VND</b>	<b>VND</b>
56.983.622.951	60.754.728.171
8.156.301.349	2.370.275.310
3.432.143.787	3.734.868.071
68.572.068.087	66.859.871.552

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**33. Chi phí bán hàng**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
	(Đã phân loại lại)	
Chi phí nhân viên	125.925.370.125	128.627.637.225
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	103.851.634.429	37.335.127.496
Chi phí giao tế, hội nghị khách hàng	51.970.480.295	10.080.751.192
Chi phí vận chuyển	21.003.260.472	22.293.295.327
Công tác phí	19.455.205.861	10.078.366.820
Chi phí xuất khẩu	9.534.558.768	9.196.355.934
Khấu hao và phân bổ	6.641.661.440	5.731.831.712
Chi phí vật liệu bao bì	7.138.440.984	2.510.868.519
Chi phí khác	18.254.306.660	21.024.482.276
	<b>363.774.919.034</b>	<b>246.878.716.501</b>

**34. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
	(Đã phân loại lại)	
Chi phí nhân viên	79.691.579.151	70.284.917.008
Chi phí giao tế	6.529.353.504	6.990.589.559
Công tác phí	5.280.096.638	5.825.816.802
Khấu hao và phân bổ	8.336.684.728	8.425.664.574
Thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	3.148.014.134	2.353.347.819
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.020.994.836	3.534.854.532
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	15.094.760.052	18.617.251.465
Chi phí khác	35.955.863.123	26.139.177.041
	<b>156.057.346.166</b>	<b>142.171.618.800</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**35. Thu nhập khác**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Hỗ trợ nhận từ các đối tác	8.788.166.407	2.637.475.559
Lãi từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	9.709.592	50.000.000
Thu nhập khác	2.530.147.671	1.212.044.857
	11.328.023.670	3.899.520.416

**36. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	3.046.009.578.836	2.112.183.970.737
Chi phí nhân công	254.609.974.916	222.716.856.781
Chi phí khấu hao và phân bổ	30.322.943.918	27.560.253.192
Chi phí dịch vụ mua ngoài	192.376.752.903	126.954.885.946
Chi phí khác	137.305.813.357	95.283.533.346

**37. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	58.513.316.317	42.788.509.155
<b>(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(630.006.759)	3.216.888.582
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	57.883.309.558	46.005.397.737

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	287.147.344.611	225.134.570.677
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	57.429.468.923	45.026.914.135
Chi phí không được khấu trừ thuế	695.953.235	1.338.483.602
Thu nhập không chịu thuế	(242.112.600)	(360.000.000)
	<hr/>	<hr/>
	57.883.309.558	46.005.397.737

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo Luật thuế thu nhập hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016: 20%).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
<b>Công ty Bảo vệ Thực vật An Giang – Campuchia</b>		
Bán hàng hóa	48.133.542.149	5.466.505.550
Hàng bán bị trả lại	811.889.298	-
<b>Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Bình</b>		
Bán hàng hóa	35.505.698.440	29.146.327.080
Mua hàng hóa	234.200.946.090	178.012.320.550
Bán công cụ dụng cụ	1.068.868.188	-
<b>Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Thoại Sơn</b>		
Bán hàng hóa	39.912.315.342	43.237.588.012
Mua hàng hóa	468.342.001.470	238.836.446.366
Bán công cụ dụng cụ	1.591.755.831	-
<b>Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Tân Hồng</b>		
Bán hàng hóa	18.530.289.130	26.548.681.767
Mua hàng hóa	165.581.211.900	197.129.652.810
Bán công cụ dụng cụ	2.396.165.227	-
Mua dịch vụ	399.121.140	-
<b>Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Hưng</b>		
Bán hàng hóa	15.218.480.485	46.504.753.624
Mua hàng hóa	185.107.012.643	166.710.845.833
Bán công cụ dụng cụ	2.177.527.548	-
<b>Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Lộc</b>		
Bán hàng hóa	13.110.760.814	26.296.158.314
Mua hàng hóa	146.499.322.053	200.588.290.150
Bán công cụ dụng cụ	4.917.264.525	-
<b>Công ty Cổ phần Địa ốc An Giang</b>		
Mua dịch vụ	-	409.041.909
Mua tài sản	1.023.830.952	-
Cổ tức	1.210.563.000	-
<b>Công ty Cổ phần Lộc Trời Miền Bắc</b>		
Bán hàng hóa	4.607.548.775	-
Mua hàng hóa	32.318.500	-

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2017</b>	<b>30/6/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty TNHH Một Thành Viên Phân hữu cơ Ân Thịnh Điền</b>		
Bán hàng hóa	18.170.000	3.843.837.136
<b>Công ty TNHH Nghiên cứu và Sản xuất Giống ứng dụng công nghệ cao Hưng Thịnh</b>		
Bán hàng hóa	1.535.086.800	1.145.617.680
Mua hàng hóa	265.104.000	-
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc</b>		
Tiền lương và thưởng	7.747.480.000	10.435.692.000
<b>Thành viên Ban Kiểm soát</b>		
Tiền lương và thưởng	2.424.006.198	2.449.541.600

**39. Các hoạt động đầu tư và tài chính phi tiền tệ**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2017</b>	<b>30/6/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền lãi được vốn hóa vào khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.105.916.667	-
Cổ tức được nhận nhưng chưa thu tiền	1.210.563.000	-
Cổ tức đã công bố nhưng chưa chi trả	201.483.450.000	201.483.450.000

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**40. Yếu tố thời vụ hay chu kỳ**

Hoạt động kinh doanh của Công ty không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố thời vụ hay chu kỳ, ngoại trừ các khoản mục sau:

***Lương và thưởng của nhân viên***

Công ty ghi nhận lương và thưởng của nhân viên dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ. Mức lương và thưởng của nhân viên sẽ được chốt dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh của cả năm vào cuối năm.

***Thuế***

Theo quy định thuế hiện hành, thuế thu nhập doanh nghiệp được tính và quyết toán vào cuối năm. Thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ được tính bằng cách áp dụng mức thuế suất áp dụng đối với lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty giữa niên độ.

**41. Số liệu so sánh**

Một vài số liệu so sánh đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày báo cáo tài chính của kỳ hiện tại. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

**Bảng cân đối kế toán riêng**

	<b>1/1/2017 VND (đã phân loại lại)</b>	<b>1/1/2017 VND (theo báo cáo trước đây)</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	3.258.939.564.529	3.231.077.095.031
Phải thu ngắn hạn khác	93.594.589.421	121.457.058.919



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

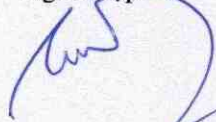
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2016</b>	<b>30/6/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
	<b>(đã phân loại lại)</b>	<b>(theo báo cáo trước đây)</b>
Chi phí bán hàng	246.878.716.501	210.294.597.942
Chi phí quản lý doanh nghiệp	142.171.618.800	178.755.737.359

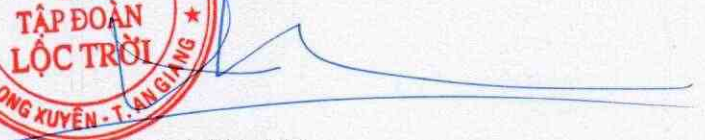
Ngày 19 tháng 7 năm 2017

Người lập:



Nguyễn Tấn Hoàng  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Huỳnh Văn Thôn  
Tổng Giám đốc



